

Bản án số: **66/2024/HS-PT**
Ngày: 11-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Văn B, Phạm Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2023/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Văn B, sinh ngày 16/6/1982 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã B, huyện K, Kiên Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Đạo phật; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Văn K và bà Thị N; anh, chị em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985; vợ là Trần Mỹ P, sinh năm 1987; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2022 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Phạm Văn Đ, sinh ngày 07/02/1972 tại Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú: Số C Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ E, ấp B, xã B, huyện K, Kiên Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị N1; anh, chị em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1976; vợ là Ong Kim T, sinh năm: 1976; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/6/2023 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn B: Luật sư **Phạm Anh V** và Luật sư **Bùi Hảo T1**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ: Luật sư **Tiêu Tường T2**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K.

Bị hại: Ông **Võ Quốc P1**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã B, huyện K, Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Mỹ P**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã B, huyện K, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2020, Võ Quốc P1 có vay mượn của Huỳnh Văn B số tiền 260.000.000 đồng, với lãi suất 05%/tháng không thế chấp, không giấy tờ vay mượn, thời hạn trả sau 03 tháng. Số tiền B cho P1 mượn là do B vay của tiệm cầm đồ cô L thuộc ấp H, xã B, huyện K, Kiên Giang. Đến đầu tháng 8/2020 do đã quá hạn P1 không trả tiền gốc và lãi cho B để B trả cho cô L nên P1 nhờ B kiếm chỗ khác vay tiền trả cho Cô L. Vì vậy B đến gặp Phạm Văn Đ (Chủ cửa hàng V1) vay 260.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng không thế chấp tài sản, không có giấy tờ vay mượn để trả cho Cô L. Đến ngày 25/8/2020 P1 tiếp tục nhờ B vay dùm P1 160.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng từ chỗ Đồng để chuộc xe ô tô con biển kiểm soát 68A-050.17, nhãn hiệu KIA, loại SORENTO, màu sơn Nâu đang cầm tại khu vực cầu T, xã B, huyện H, Kiên Giang, khi lấy xe ra được sẽ đem về thế chấp cho Đ, lúc này Đ đem theo 160.000.000 đồng cùng B đến T để đưa cho P1 chuộc xe ra. Sau đó, B điều khiển xe ô tô của P1 chạy về đậu tại kho Cửa hàng V1. Đến ngày 28/8/2020 Đ và B kêu P1 đến Cửa hàng V1 để làm giấy vay mượn nợ và thế chấp xe. Khi đến nơi Đ đưa cho P1 một tấm giấy thế chấp tài sản đã được ghi sẵn, sau khi xem xong thì P1 không đồng ý ký tên với lý do nội dung trong giấy buộc P1 phải chịu toàn bộ khoản

vay nợ là 420.000.000 đồng và thế chấp xe (bao gồm khoản vay P1 đã mượn của Đ là 160.000.000 đồng để chuộc xe và khoản vay mà B đã vay trước đó của Đ là 260.000.000 đồng). Lúc này P1 yêu cầu Đ ghi thêm phụ lục phía sau mặt giấy là chỉ vay mượn của Đ số tiền 160.000.000 đồng và thế chấp xe, còn P1 nợ Bạch 260.000.000 đồng thì do hai bên tự thỏa thuận không thế chấp xe khoản vay này thì P1 mới đồng ý ký tên. Giấy thế chấp tài sản thể hiện nội dung của phụ lục “*Khi anh P1 trả 160.000.000 đồng và đóng lãi song và anh B trả 260.000.000 đồng và đóng lãi song thì anh Phạm Văn Đ sẽ cho anh Võ Quốc P1 lấy xe ra*”.

Đến ngày 07/02/2021, do có nhu cầu lấy xe để chạy chở khách dịp Tết Nguyên đán nên P1 đem 200.000.000 đồng (160.000.000 đồng tiền gốc, 40.000.000 đồng tiền lãi) trả cho Đ, tại thời điểm này cũng có Bạch tại đó. Sau khi kiểm tra xe và đưa tiền xong, Đ đã tự viết giấy biên nhận với P1. Nội dung biên nhận “*Tôi tên Phạm Văn Đ có nhận của anh P1 160.000.000 đồng tiền anh P1 nợ và thế chấp chiếc xe 68A-050.17 và đóng lãi 40.000.000 đồng. Nay tôi nhận đủ tiền và trả lại xe cho anh P1 và anh P1 đã nhận lại xe và kiểm tra đủ giấy tờ và chiếc xe còn nguyên vẹn. Mọi khiếu nại sau này của anh P1 là không có giá trị. Bình An ngày 07/02/2021. Người nhận xe anh Võ Quốc P1 đã ký tên*”.

Lúc Đ giao chìa khóa cho P1 để lấy xe thì Đ kêu B và P1 tự thỏa thuận việc trả 260.000.000 đồng còn lại cho Đ, nếu không phải đem tài sản khác lại thế chấp. Do P1 còn nợ B 260.000.000 đồng tiền gốc và 08 tháng tiền lãi nên B không cho P1 lấy xe về mà buộc P1 phải ký vào tờ giấy mượn tiền mà B đã ghi sẵn. Nội dung giấy mượn tiền “*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Giấy mượn tiền. Tôi tên: Võ Quốc P1, sinh năm: 1981, CMND số: 370896904 cấp ngày 21/10/2016 có mượn tiền của ông Huỳnh Văn B với số tiền là 260 triệu đồng với lãi suất 5%/tháng. Nếu anh P1 không đóng lãi suất hàng tháng và trả gốc đầy đủ, thì ông B có quyền giữ tài sản để thu hồi nợ. Bổ sung trong thời gian 03 tháng kể từ ngày mượn tiền là ngày 11/02/2020*”). Tuy nhiên P1 không đồng ý ký tên vào giấy mượn nợ nói trên mà hứa với B trong vòng 30 ngày nữa sẽ trả lãi cho B nếu không đúng hẹn thì B có quyền lấy tài sản của P1. Vì vậy P1 đã tự ghi nội dung ghi chú “*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Tôi tên Võ Quốc P1, có mượn của anh Huỳnh Văn B với số tiền là 260 triệu đồng với lãi suất 05%/tháng. Ngày 07/02/2021. Trong 30 ngày không trả lãi anh Huỳnh Văn B có quyền lấy tài sản của anh Võ Quốc P1. Còn 08 tháng lãi trước tôi trả lại cho anh Huỳnh Văn B sau. Tôi cam kết có giá trị với pháp luật*”.

Sau khi B và P1 thỏa thuận không thành, đến khoảng 11 giờ ngày 07/02/2021 sợ P1 lấy xe ô tô chạy về nên Đ và B đã kéo khóa cổng, dùng dây xích quán cửa một bên nhà kho của cửa hàng V1, sau đó Đ bỏ đi vào nhà, còn Bạch bỏ đi về cùng với C Công bằng xe mô tô biển kiểm soát 54T1-2515 của Bạch. Đi được khoảng 10 phút Bạch cùng với Châu C1 quay lại Cửa hàng V1 xem P1 có lấy xe ra khỏi kho không. Khi chạy đến cửa hàng, B nhìn thấy P1 điều khiển xe ô tô con biển kiểm soát 68A - 050.17 di chuyển từ kho cửa hàng ra gần tới đường lộ thuộc tổ E, ấp B, xã B, huyện K, Kiên Giang thì B điện thoại cho Đ hỏi *“P1 đã trả tiền cho anh hết chưa, mà nó đòi lấy xe”* Đồng trả lời *“Chưa, chặn nó (P1) lại”*, sau khi B nói chuyện qua điện thoại với Đ xong, nghe theo lời nói của Đ, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 54T1-2515 chặn đầu xe của P1 và xuống xe yêu cầu P1 lùi xe lại đậu vào kho. Thấy vậy P1 bước xuống xe rút chìa khóa xe, khóa cửa xe lại và nói với B qua tét có tiền sẽ trả nhưng B không đồng ý và tiến đến gần chỗ P1 với thái độ hung hãn đồng thời do nhìn thấy B đi cùng với C1 nên P1 hoảng sợ bỏ xe ô tô tại đó và bỏ đi trình báo sự việc với cơ quan chức năng, lúc này C1 cũng bỏ đi về trước. B sợ P1 quay lại lấy xe ô tô chạy đi nên B điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 68C-047.07 của Cửa hàng V2 chặn phía trước đầu xe ô tô của P1. Sau đó B và P1 trình báo sự việc cho chị Trần Hoàng Y là Bí thư ấp B, lúc đó chị Y mời B và P1 đến trụ sở ấp để hòa giải nhưng không thành do hai bên không thỏa thuận được vấn đề tiền bạc, B cương quyết không trả xe cho P1 nên chị Y kêu cả hai về tiếp tục thương lượng. Lúc này B quay lại cửa hàng V1 tháo bánh xe sau bên tải xe ô tô của P1 đem vào kho cửa hàng V1 cất giữ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày P1 tiếp tục lên Công an xã B trình báo sự việc. Công an xã xuống hiện trường thì phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 68C-047.07 đang chặn đầu xe ô tô biển kiểm soát 68A-050.17 của P1 và bánh xe sau bên tải xe của P1 đã bị tháo nên đã chụp ảnh ghi nhận sự việc. Sau đó Công an xã mời B và P1 về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc B đã thừa nhận hành vi lấy xe tải chặn đầu xe và tháo bánh xe ô tô của P1, mặc dù Công an xã đã giải thích và vận động B trả xe cho P1 nhưng B vẫn cương quyết không trả xe. Bạch đi về lắp bánh xe vào, do không có chìa khóa để khởi động xe nên B đã dùng điện thoại di động liên hệ với Gara xe H1 (do anh Phan Quốc T3 làm chủ) tại đường C, thành phố R để sửa ổ khóa xe ô tô của P1, anh T3 đã cử Trần Giáo H thợ sửa ổ khóa liên lạc với B, trong lúc H sửa ổ khóa có B và Đ tại đó, Đ có lên thử đề máy xe, sau khi ổ khóa xe được sửa xong B đã chạy xe ô tô của P1 vào kho của cửa hàng V1 cất giữ và để chìa khóa xe tại cửa

hàng của Đ. Do B và P1 chưa thực hiện xong việc trả số tiền 260.000.000 đồng cho Đ nên trong khoảng thời gian từ ngày 07/02/2021 đến ngày B mượn lại xe từ Đồng để giao nộp xe cho Công an (ngày 04/3/2021) thì Đ là người trực tiếp quản lý, trông giữ xe của P1 để đảm bảo việc trả nợ.

Trong quá trình làm việc tại Công an xã B không trả xe cho P1 nên Công an xã B đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết.

*** Vật chứng vụ án thu giữ được:**

- Một xe ô tô biển kiểm soát 68A-050.17, nhãn hiệu KIA, số loại Sorento, màu sơn nâu, số khung: 52A6GC086330, số máy: D4HBGH000862, sản xuất năm 2016, xe đã qua sử dụng (Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại Võ Quốc P1).

- Một xe mô tô biển kiểm soát 54T1-2515, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh đen, số khung Y-553936, số máy HC12E-0114525, đã qua sử dụng.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, số sê-ri F2MZKDNYN70G, điện thoại đã qua sử dụng.

* Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-HĐĐGTS ngày 24/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Xe ô tô KIA 7 chỗ, biển số đăng ký 68A-050.17 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng); Chi phí lập trình ổ khóa và thay chìa khóa mới là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

* Về trách nhiệm dân sự: Khoảng cuối tháng 12/2021 Huỳnh Văn B đi đến thành phố R gặp bị hại Võ Quốc P1 thỏa thuận việc rút đơn tố cáo với số tiền 80.000.000 đồng. B đã đưa trước cho P1 số tiền 10.000.000 đồng và hỗ trợ thêm cho P1 1.000.000 đồng tiền xe P1 lên Rạch G gặp B, số tiền còn lại Bạch hứa sẽ gửi hết cho P1 khi P1 rút đơn. Tuy nhiên bị hại P1 trình bày số tiền mà bị cáo Bạch đưa là để hỗ trợ cho tiền sửa chữa xe ô tô như chi phí thay ổ khóa, thay bình ắc quy... Ngoài số tiền đã nhận trên bị hại P1 không yêu cầu B phải bồi thường gì thêm.

Trước khi mở phiên tòa, Võ Quốc P1 có đơn yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập 13.000.000 đồng/tháng x 6 tháng = **78.000.000** đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2023/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn B, Phạm Văn Đồng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 38 và điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành án kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14/02/2022.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 38 và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành án kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 07/6/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07/12/2023, bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/12/2023, bị cáo Huỳnh Văn B có đơn kháng cáo kêu oan.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị cáo Huỳnh Văn B xin sửa đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội. Như vậy, các bị cáo Bạch và Đ thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát đánh giá tính chất, vai trò và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm án cho bị cáo Huỳnh Văn B còn từ 03 đến 04 năm tù; bị cáo Phạm Văn Đ còn từ 01 đến 02 năm tù.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ý kiến của luật sư Phạm Anh V và luật sư Bùi Hảo T1 bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn B cho rằng:

Do bị cáo hạn chế, thiếu hiểu biết về pháp luật, mục đích chặn xe của P1 là nhằm lấy được nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bạch thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội và mặc dù bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trước đây tại cấp sơ thẩm bị hại P1 cũng có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo là người dân tộc Khmer. Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ điểm b, s, h, khoản 1, 2 Điều 51 nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bằng với thời gian tạm giam trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Ý kiến của luật sư Tiêu Tường T2 bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ cho rằng:

Án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện, triệt để vụ án, chưa đánh giá hết tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đ. Trước đây tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại P1 có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặc dù phiên tòa sau bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng không thay đổi ý kiến, án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này là bất lợi cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm h khoản 1 Điều 51 “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”. Trong vụ án này vai trò của bị cáo Đ là mờ nhạt, hiện tại hành vi của bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội; gia đình bị cáo có công cách mạng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bạch, bị cáo Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 11 giờ ngày 07/02/2021 Huỳnh Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 54T1-2515 quay lại Cửa hàng vật liệu xây dựng V của Phạm Văn Đ chặn đầu xe ô tô con biển kiểm soát 68A-050.17 của Võ Quốc P1 và yêu cầu P1 lùi xe lại đậu vào kho của cửa hàng, đồng thời B yêu cầu P1 trả số tiền 260.000.000 đồng đã thiếu Bạch trước đó thì mới được lấy xe. Thấy vậy P1 bước xuống xe rút chìa khóa, khóa cửa xe lại và nói với B qua tét có tiền sẽ trả nhưng B không đồng ý và tiến đến gần chỗ P1 với thái độ hung hãn đồng thời do nhìn thấy B đi cùng với Châu C1 nên P1 hoảng sợ bỏ xe ô tô tại đó và bỏ đi trình báo sự việc với cơ quan chức năng, cả hai được mời đến Trụ sở ấp để hòa giải nhưng không thành do hai bên không thỏa thuận được vấn đề tiền bạc, B cương quyết không trả xe cho P1. Sau khi thợ mở được ổ khóa thì Đ có lên thử xe và đem xe về kho của Đ, việc Cơ quan công an đã mời B và Đ làm việc trên cơ sở đơn tố giác của P1 thì Đ đã biết được hành vi chiếm giữ xe của B nhưng vẫn để xe trong kho của mình và khẳng định Đ là người quản lý xe. Theo kết luận định giá xe ô tô KIA 7 chỗ, biển số đăng ký 68A-050.17 đã qua sử dụng có giá trị là 470.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Huỳnh Văn B và bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Bạch và Đ xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Chỉ vì bị hại P1 chưa trả tiền cho bị cáo Bạch, đúng ra bị cáo Bạch phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng bị cáo B lại có hành vi uy hiếp tinh thần của người bị hại, làm cho bị hại không dám phản kháng lại để cho bị cáo lấy chiếc xe. Còn bị cáo Đ biết đây là xe của bị hại P1 nhưng đồng thuận với hành vi chiếm giữ xe của bị cáo B1 và cho đem xe về kho của bị cáo, khi Cơ quan công an mời các bị cáo làm việc, thì bị cáo Đ vẫn để xe trong kho của mình và khẳng định là người quản lý xe. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản một cách trái pháp luật và gây

bức xúc cho người bị hại, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo B1 và Đ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51; cha mẹ của bị cáo Đ là người có công cách mạng được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bị cáo Bạch và Đồng đều thừa nhận hành vi phạm tội và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Và tại cấp sơ thẩm khi tham gia phiên tòa lần đầu bị hại P1 có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, sau đó bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng không thay đổi ý kiến, đây là tình tiết có lợi cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các Luật sư áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo giảm hình phạt là phù hợp.

Xét thấy cả hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 1 Điều 51, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị vị Đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên hệ đối với bị cáo Bạch. Còn đối với bị cáo Đ là người giúp sức với vai trò không đáng kể, hiện tại hành vi của bị cáo cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Trả tự do cho bị cáo Đ tại phiên tòa.

[5] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 cho bị cáo Bạch; áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ chuyển khung hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với loại tội phạm này có cấu thành hình thức và mục đích chiếm đoạt tài sản là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm và bị cáo Bạch giữ vai trò chính. Do đó, ý kiến của luật sư T1 bào chữa cho bị cáo Bạch, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo bằng với thời gian tạm giam, trả tự do cho bị cáo Bạch tại phiên toà là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của luật sư T2 bào chữa cho bị cáo Đ, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo bằng với thời gian tạm giam, trả tự do cho bị cáo Đ tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn B, Phạm Văn Đ. Sửa bản án sơ thẩm số: 42/2023/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn B, Phạm Văn Đ đồng phạm t “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 03 (Ba) năm tù. Thời điểm chấp hành án kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14/02/2022.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 10 tháng 04 ngày tù. Thời điểm chấp hành án kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 07/6/2023. Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Căn cứ Điều 299; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do cho bị cáo Phạm Văn Đ.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 42/2023/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS TP huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đường sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng